

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Hàng hải và đường thủy nội địa; Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày 28 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Hàng hải và đường thủy nội địa; Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG; HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA;
ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1001 /QĐ-UBND ngày 04 /8 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
1	1.013237.H21	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ”)
2	1.013219.H21	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ”)
3	1.013217.H21	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Lệ phí: 75.000 đồng/chứng chỉ. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ”)
4	1.013234.H21	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Phí: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: Bằng mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (Thu Phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”)
5	1.013239.H21	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, Phí: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí
		tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: Bằng mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. <i>(Thu Phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”)</i>
Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa			
6	1.005040.H21	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí: 50.000 đồng/lần đối với tàu biển, thủy phi cơ; + Phí: 25.000đ/lần đối với phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài: Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn; Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi: + Phí: 100.000 đồng/lần đối với tàu biển, thủy phi cơ; + Phí: 50.000đ/lần đối với phương tiện thủy nội địa, phương tiện thủy nước ngoài: Phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn; Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người. <i>(Thu Phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ”)</i>
Lĩnh vực Đăng kiểm			
7	1.005103.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí
		cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026:</i> - Lệ phí: 20.000 đồng/lần giấy đối với Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; - Lệ phí: 45.000đ/lần giấy đối với Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương). <i>Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi:</i> - Lệ phí: 40.000 đồng/lần giấy đối với Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; - Lệ phí: 90.000đ/lần giấy đối với Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương). <i>(Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”)</i>
8	1.013089.H21	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026:</i> - Lệ phí: 20.000 đồng/lần giấy đối với Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; - Lệ phí: 45.000đ/lần giấy đối với Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương). <i>Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi:</i> - Lệ phí: 40.000 đồng/lần giấy đối với Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí
			giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; - Lệ phí: 90.000đ/lần giấy đối với Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương). <i>(Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”)</i>
Tổng cộng: 08 TTHC			